BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Giáo dục Công dân **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**40**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		1
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		1
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		1
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				1
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		2
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		3
V. Đại cương chung			**26**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			20						
14	CD4000	Nhập môn ngành Giáo dục công dân	1	15					1
15	PO4091	Triết học Mác - Lênin	4	60					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					2
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	PO4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	45			PO4091		2
19	PO4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			PO4092		3
20	GE4056H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			PO4093		3
21	PO4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45			GE4056H		4
5.2. Đại cương chung tự chọn			**6**						
22	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	20	20				2
23	GE4068	Văn hóa học đại cương	2	30					2
24	PO4005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30					4
25	PO4000	Chính trị học	2	10	40				4
26	PO4172	Công tác Đảng và đoàn thể	2	30					4
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**95**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**10**						
27	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					2
28	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30					2
29	GE4078	Tâm lý học trung học	2	30			GE4045		3
30	GE4075	Giáo dục học trung học	2	30			GE4017		3
31	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30					5
II. Kiến thức cơ sở ngành			**21**						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**17**						
32	GE4122	Tiếng Việt thực hành	2	20	10				3
33	GE4201	Phương pháp tư duy	2	20	10				5
34	PO4040E	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	10	20				3
35	CD4031	Giáo dục kỹ năng sống	2	15	15				3
36	PO4106	Hiến pháp và định chế chính trị	2	30					3
37	CD4005	Toàn cầu hóa và những vấn đề toàn cầu của thời đại	2	20	10				4
38	GE4023	Kinh tế học đại cương	2	30					4
39	PO4001	Đạo đức học	3	45					6
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			**4**						
40	CD4003	Văn hóa học và văn hóa Việt Nam	2	30					5
41	CD4007	Giáo dục môi trường qua môn Giáo dục công dân	2	15	15				5
42	PO4012	Tôn giáo học	2	30					5

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
43	CD4030	Chuyên đề giáo dục đạo đức	2	30					5
III. Kiến thức chuyên ngành			**34**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**30**						
44	PO4173	Lý luận dạy học chương trình môn Giáo dục công dân	3	30	15				2
45	CD4010	Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở	3	30	15		PO4173		4
46	CD4011	Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông	3	30	15		PO4173		4
47	CD4012	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	2	30					5
48	PO4016N	Pháp luật thực định	3	30			PO4106		5
49	PO4002	Giáo dục gia đình	2	30					7
50	CD4013	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Giáo dục công dân	2	15	30				7
51	PO4157	Kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học	2	30					5
52	PO4230	Chuyên đề giáo dục kinh tế	2	30					6
53	CD4018	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	30					6
54	CD4019	Giáo dục phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	2	30					7
55	PO4221	Xây dựng và phát triển chương trình	2	20	10				5
56	CD4017	Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa VN	2	30					7
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**4**						
57	PO4222	Dân tộc học và chính sách dân tộc	2	30					6
58	CD4008	Thể chế chính trị Việt Nam và thế giới	2	30					6
59	CD4015	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	2	30					7
60	CD4020	Luật học so sánh	2	30					7
IV. Kiến thức bổ trợ			**9**						
61	CD4032	Nghiệp vụ công tác Đoàn – Đội ở trường trung học	2	15	15				6
62	PO4170	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học	2	15	15				6
63	CD4006	Phương pháp giáo dục STEM/STEAM	2	15	30				7
64	CD4101	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30					6
65	CD4023	Thực tế chuyên môn	1	10	40				6
V. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm			**15**						
66	CD4111	Rèn luyện NVSPTX 1	1		30				2
67	CD4112	Rèn luyện NVSPTX 2	1		30		CD4111		3
68	CD4113	Rèn luyện NVSPTX 3	1		30		CD4112		4
69	CD4114	Rèn luyện NVSPTX 4	1		30		CD4113		5
70	CD4115	Rèn luyện NVSPTX 5	1		30		CD4114		6
70	CD4116	Rèn luyện NVSPTX 6	1		30		CD4115		7
71	CD4201	Kiến tập sư phạm	3		90		CD4116		7
72	CD4202	Thực tập tốt nghiệp	6		180		CD4201		8
VI. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
6.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
73	CD4029	Khóa luận tốt nghiệp	6						8
6.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 3 trong 5 học			**6**						
74	PO4008	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	30					8
75	PO4223	Giáo dục giá trị	2	30					8
76	PO4226	Chuyên đề giáo dục pháp luật	2	30					8
77	CD4021	Giáo dục công dân toàn cầu	2	30					8
78	CD4002	Logic học	2	30					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**	1663	1117				
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			120						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			101						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			20						